

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Số: *310* /BTS-TCKT

V/v công bố thông tin ký kết hợp đồng
với người có liên quan của Công ty.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- 1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.**
- 2. Mã chứng khoán: BTS.**
- 3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh Sơn-Huyện Kim Bảng-Tỉnh Hà Nam.**
- 4. Điện thoại: 02263.851.323; Fax: 02263.851.320-02263.852.482.**
- 5. Người thực hiện công bố thông tin.**

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn là Ông Phạm Trần Việt – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

6. Nội dung của thông tin công bố.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn xin công bố:

- Nghị quyết số 301/BTS-HĐQT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

- Nghị quyết số 302/BTS-HĐQT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng với Công ty cổ phần VICEM Thạch cao xi măng.

7. Địa chỉ Website đăng tải.

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD Cty (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Trần Việt

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Số: 301/BTS-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng
với Công ty Cổ phần Năng lượng & Môi trường VICEM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại Tờ trình số 251/BTS-TGD ngày 30/01/2024 về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu với các đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản số 44/BTS-HĐQT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu với người có liên quan.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò với Công ty Cổ phần Năng lượng & Môi trường VICEM theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 251/BTS-TGD ngày 30/01/2024.

Điều 2. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VICEM (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Tuấn Khôi

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Số: 302 /BTS-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 02 tháng 02 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng
với Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao xi măng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại Tờ trình số 251/BTS-TGD ngày 30/01/2024 về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu với các đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản số 44/BTS-HĐQT ngày 02/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu với người có liên quan.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao xi măng theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 251/BTS-TGD ngày 30/01/2024.

Điều 2. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VICEM (để b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Tuấn Khôi

Số: 251 /BTS-TGD

Hà Nam, ngày 30 tháng 01 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu
với các đơn vị có liên quan**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1230/VICEM-KTPC ngày 22/06/2023 của Tổng Công ty xi măng Việt Nam vv các quy định về ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

Căn cứ Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty,

Để đáp ứng nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn đã triển khai công tác lựa chọn các nhà cung cấp theo Quy chế của Công ty và dự kiến ký hợp đồng với một số đơn vị là thành viên của VICEM như sau:

STT	Tên đơn vị	Nội dung hợp đồng	Quan hệ với Vicem
1	Công ty CP Năng lượng & Môi trường VICEM	Hợp đồng về việc cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò	Công ty con
2	Công ty CP VICEM Thạch cao xi măng	Hợp đồng về việc Cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất	Công ty con

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan bao gồm: “**Cổ đông**, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và **người có liên quan của họ**”.

Căn cứ Khoản a, b, Mục 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định: Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp bao gồm **công ty mẹ, công ty con, ...**

Như vậy, VICEM (chiếm 79,5% cổ phần) là công ty mẹ và là cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của Vicem Bút Sơn; các công ty con của VICEM là người có liên quan của VICEM.

Thực hiện theo các quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét chấp thuận việc ký hợp đồng năm 2024 với các đơn vị có liên quan. (Dự thảo hợp đồng với các đơn vị đính kèm).

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Tiến Trình

Số: / -

Hà Nam, ngày tháng 01 năm 2024

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG

Về việc Cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò

I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 663/BTS-HĐQT ngày 09/04/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa và dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn;
- Căn cứ Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò” ngày /01/2024 giữa Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn và Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem;
- Căn cứ Quyết định số /BTS-VT ngày /01/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm “Cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò”;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các Bên.

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn, chúng tôi gồm có:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên mua (Gọi tắt là bên A):

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Địa chỉ : Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại số : 0226 385 1323;

Fax: 0226 385 1320.

Số tài khoản : 482.10.000000.906 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam.

Mã số thuế : 0700117613.

Đại diện : Ông **Đỗ Tiên Trình**

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên Mua**” hoặc “**Bên A**”)

2. Bên bán (Gọi tắt là bên B):

CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ : 21B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại số : 024.38457.328;

Fax: 024.38457.186

Số tài khoản : 22210004045453 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

Mã số thuế : 0100106352

Đại diện : Ông **Trần Khắc Mạnh**

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên Bán**” hoặc “**Bên B**”)

III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.2. “**Phụ lục Hợp đồng**”: Là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.3. “**Các bên, hoặc Bên A, hoặc Bên B**”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.4. “**Đơn giá**” là giá giao hàng tại Bên A, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành và các chi phí liên quan để thực hiện hợp đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.

1.5. “**Sự kiện bất khả kháng**” là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch....;

1.6. “**Ngày**” bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.7. “**Pháp luật**” là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.8. “**Lô hàng**” được xác định là 1.000 tấn hàng hóa hoặc lượng hàng hóa chứa trên 01 phương tiện vận chuyển (tàu/xà lan).

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng

Các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về pháp lý như sau:

2.1. Văn bản Hợp đồng này;

2.2. Tất cả các Phụ lục của Hợp đồng này (Nếu có);

2.3. Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò” ngày /01/2024 giữa Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn và Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem;

2.4. Quyết định số /BTS-VT ngày /01/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm “Cung cấp than cám 4b.1 sử dụng làm nhiên liệu đốt lò”.

Điều 3. Phạm vi cung cấp và giá trị của hợp đồng

3.1. Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán than cám để phục vụ sản xuất (sau đây gọi là hàng hóa) với số lượng, đơn giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Than cám 4b.1	Tấn	38.000	3.055.000	116.090.000.000
Tổng					116.090.000.000
Thuế GTGT 10%					11.609.000.000
Tổng cộng					127.699.000.000

3.2. Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là: **127.699.000.000 đồng**. (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu đồng).

Thay đổi thuế GTGT: Thuế GTGT được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng khi có thay đổi.

3.3. Xuất xứ hàng hóa: Than cám được chế biến có nguồn gốc xuất xứ từ Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc, nhập khẩu, chế biến từ các đơn vị thương mại...

3.4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

3.5. Đơn giá thực hiện hợp đồng:

3.5.1. Đơn giá tại khoản 3.1 điều này là đơn giá ứng với hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này.

3.5.2. Đối với các loại than có các chỉ tiêu kỹ thuật khác với khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của bên A thì sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo khoản 6.2 điều 6 của hợp đồng này.

3.5.3. Trong trường hợp có sự biến động đối với các chi phí trong kết cấu giá bán than như: Thuế, giá nhập khẩu, chi phí xăng dầu... từ 10% trở lên thì hai bên sẽ cùng nhau xem xét và điều chỉnh giá mua bán than cho phù hợp. Công thức điều chỉnh giá:

$$P_1 = P_0 \pm A.$$

Trong đó:

P_1 : Đơn giá mới.

P_0 : Đơn giá hợp đồng hoặc đơn giá của lần điều chỉnh trước đó.

A: Giá điều chỉnh (Tăng/Giảm).

Trường hợp nếu không thỏa thuận được theo giá mới thì hai bên tạm ngừng thực hiện hợp đồng, tiến hành đối chiếu hàng hóa và công nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A hoặc bên B nhận được thông báo giá mới.

Điều 4. Các chỉ tiêu kỹ thuật hàng hóa

4.1. Than cám có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

Stt	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Than cám 4b.14
1	$W^{tp(1)}$ nhập hàng mùa khô	%	$\leq 13,00$
	$W^{tp(2)}$ nhập hàng mùa mưa	%	$\leq 16,00$
2	W^{tp} tính hàng	%	8,50
3	Độ tro khô, A^k	%	$23,01 \div 27,00$
4	Chất bốc khô, V^k	%	$5,5 \div 8,5$
5	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q^k_{gr}	Cal/g	≥ 5.950
6	Lưu huỳnh chung khô, S^k_{Ch}	%	$\leq 0,9$
7	Cỡ hạt	mm	≤ 15

Ghi chú: ⁽¹⁾ Mùa khô từ ngày từ ngày 01/01 ÷ 31/3 và từ ngày 01/11 ÷ 31/12.

⁽²⁾ Mùa mưa từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/10.

4.2. Than nhập là than đã qua sàng tuyển, không lẫn tạp chất có hại như đất, đá, bê tông, sắt, thép...

Điều 5. Thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận và khối lượng thanh toán

5.1. Thời gian giao hàng: Giao hàng làm nhiều đợt, khối lượng và thời gian giao hàng cụ thể của mỗi đợt theo thông báo của bên A gửi cho bên B.

5.2. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho, bãi hoặc máng tiếp nhận của Bên A (Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) bằng phương tiện vận chuyển của Bên B.

5.3. Phương thức giao nhận:

5.3.1. Bên A sẽ thông báo khối lượng than cần cung cấp của từng đợt cho bên B.

5.3.2. Bên B có trách nhiệm thông báo đầy đủ, chính xác thời gian giao hàng để bên A có phương án tiếp nhận; trường hợp có thay đổi, bên B phải thông báo trước tối thiểu 03 ngày. Trước thời điểm nhập hàng tối thiểu 01 ngày, bên B cung cấp chứng thư chất lượng của hàng hóa cho bên A.

5.3.3. Khi hàng về, bên B phải thông báo cho bên A trước 24 giờ về chủng loại, khối lượng và các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa. Hàng hóa sẽ được kiểm tra, lấy mẫu sơ bộ (Nếu cần) trước khi tiến hành nhập hàng như sau:

a) Đối với hàng hóa vận chuyển đường thủy, Bên A lấy mẫu kiểm tra chất lượng sơ bộ. Căn cứ vào kết quả mẫu sơ bộ của phòng Thí nghiệm bên A:

a1) Nếu kết quả phân tích mẫu sơ bộ lô hàng đạt chỉ tiêu kỹ thuật như thông báo nhập hàng của bên A thì hai bên sẽ tiến hành làm các thủ tục nhập hàng.

a2) Nếu kết quả phân tích mẫu sơ bộ lô hàng có chỉ tiêu kỹ thuật khác với thông báo nhập hàng của bên A nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của bên A thì hai bên sẽ tiến hành làm các thủ tục nhập hàng. Việc nghiệm thu và thanh toán thực hiện theo mục 5.3.4 điều này và khoản 6.2, điều 6 của hợp đồng này.

a3) Nếu kết quả phân tích mẫu sơ bộ lô hàng có chỉ tiêu kỹ thuật khác với thông báo nhập hàng của bên A và không đáp ứng yêu cầu sản xuất của bên A thì bên A có quyền từ chối không nhận hàng, bên B có trách nhiệm giao bù khối lượng hàng hóa đã bị từ chối và phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

b) Đối với hàng hóa vận chuyển về bằng đường bộ, bên A sẽ giám sát, kiểm tra trực quan về màu sắc, kích thước, độ ẩm... (hoặc lấy mẫu phân tích sơ bộ trên phương tiện vận chuyển hoặc từ đầu nguồn nếu cần); Nếu hàng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất của bên A thì hai bên sẽ tổ chức giao nhận hàng theo quy định của bên A.

5.3.4. Lấy mẫu để làm nghiệm thu chính thức: Hàng ngày, bên A lấy mẫu trong quá trình nhập than (tự động/thủ công) để kiểm tra các chỉ tiêu ($A^k\%$), ($V^k\%$), ($W^p\%$), (Q^k_{gr} Kcal/Kg), (S^k_{ch}) và cỡ hạt. Kết quả kiểm tra mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm bên A là cơ sở để nghiệm thu chính thức. Chất lượng được tính bình quân toàn đoàn phương tiện.

Mẫu than được chia đều theo yêu cầu về số lượng mẫu của các bên liên quan. Các mẫu được niêm phong và có chữ ký của đại diện các bên.

5.4. Khối lượng hàng giao nhận: Được tính căn cứ vào khối lượng hàng trên phương tiện bên B qua cầu cân của bên A.

5.5. Khối lượng than thanh toán được xác định như sau:

5.5.1. Độ ẩm than $\leq 8,5\%$ thì khối lượng thanh toán theo khối lượng thực nhập qua cầu cân bên A.

5.5.2. Độ ẩm than $8,5\% < W^{tp}_{tt} \leq W^p$ thì khối lượng thanh toán (Quy về độ ẩm trung bình 8,5%) được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{tt} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100 - 8,5} - M_{tc}$$

Trong đó:

- M: Là khối lượng than thanh toán (tương ứng với độ ẩm trung bình).
- M_{tt} : Là khối lượng thực tế giao nhận qua bàn cân của bên A (tương ứng với độ ẩm thực tế)
- W^p : Là độ ẩm nhập hàng của than, theo quy định tại khoản 4.1, điều 4 của Hợp đồng này.
- W^{tp}_{tt} : Là độ ẩm thực tế (theo kết quả phân tích chất lượng than của phòng Thí nghiệm bên A).
- M_{tc} : Là khối lượng sỏi, sạn trong than.

5.5.3. Nếu độ ẩm thực tế của than $W^{tp}_{tt} > W^p$ thì bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp bên A chấp nhận nhập hàng, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 8,5% và bên B bị giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

5.6. Độ ẩm đầu nguồn:

5.6.1. Trong trường hợp độ ẩm đầu nguồn (W^{tp}_{dn}) $>$ độ ẩm nhập hàng (W^p), hai bên sẽ trao đổi bằng văn bản hoặc điện thoại hoặc thư điện tử. Nếu bên A đồng ý nhận hàng thì khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 8,5%. Đơn giá thanh toán theo giá tại thời điểm nhập hàng.

5.6.2. Bên B kiểm soát chất lượng hàng hóa để đảm bảo chênh lệch giữa độ ẩm theo kết quả phân tích mẫu sơ bộ (W_{sb}^{tp}) của bên A và độ ẩm đầu nguồn không vượt quá 1 ($W_{sb}^{tp} - W_{dn}^{tp} \leq 1\%$). Nếu $W_{sb}^{tp} - W_{dn}^{tp} > 1\%$ thì bên A có quyền từ chối nhập hàng. Trường hợp bên A đồng ý nhập hàng phục vụ sản xuất, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 8,5% và bên B bị giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

5.7. Nếu phát hiện trong than có lẫn sỏi, sạn ... bên A sẽ chủ trì cân lại khối lượng và trừ vào khối lượng than nhập khi nghiệm thu thanh toán.

5.8. Trường hợp hàng hóa về theo thông báo nhưng Bên A chưa có nhu cầu sử dụng ngay cho sản xuất, trong khi Bên B cần giải phóng phương tiện thì hai bên tiến hành lấy mẫu thí nghiệm và giao nhận hàng hóa, làm biên bản gửi kho. Khối lượng nghiệm thu chính thức để thanh toán là khối lượng thực tế đưa vào sử dụng và được nghiệm thu theo quy định của Bên A.

5.9. Bên B ủy quyền cho Chi nhánh Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem tại Hà Nam thực hiện giao nhận hàng hóa, đối chiếu và viết hóa đơn GTGT để thanh toán tiền hàng với bên A.

Điều 6. Nghiệm thu hàng hóa

6.1. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm bên A, nếu hàng hóa đạt tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán theo đơn giá được quy định tại khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng này.

6.2. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm bên A, nếu hàng hóa có một hoặc nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất của bên A thì được nghiệm thu và thanh toán như sau:

6.2.1. Nhiệt trị Q_{gr}^k :

a) Nếu than nhập có chỉ tiêu Q^k đạt nhưng các chỉ tiêu ($A^k \%$), ($V^{k\%}$), (S^{kCh}), cỡ hạt không đạt thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B theo mục 6.2.2 khoản 6.2, điều 6 của Hợp đồng.

b) Nếu than nhập có chỉ tiêu $5.900 \text{ Kcal/Kg} \leq Q^k < 5.950 \text{ Kcal/Kg}$ thì bên A có quyền từ chối nhập hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức dưới đây và giảm trừ tiếp 2% giá trị hàng hóa đó:

$$G_{tt} = \left(\frac{Q_{tt}^k}{5.950} \right) \times G_{cs} \text{ (đồng/tấn)}$$

Trong đó:

- G_{tt} : Là đơn giá thanh toán tương ứng với nhiệt trị toàn phần khô thực tế của than.
- G_{cs} : Là đơn giá cơ sở, tương ứng với than ở nhiệt trị 5.950 Kcal/Kg tại khoản 3.1, điều 3 của hợp đồng này.

- Q_{tt}^k : Là nhiệt trị toàn phần khô xác định tại phòng Thí nghiệm của bên A để làm cơ sở cho thanh toán, được tính cho từng lô hàng.

d) Trường hợp than nhập có nhiệt trị $Q^k < 5.900 \text{ Kcal/Kg}$ thì bên A sẽ từ chối nhập hàng.

6.2.2. Các chỉ tiêu khác:

a) Độ tro khô A^k : Nếu than nhập có chỉ tiêu A^k ngoài dải chỉ số quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

b) Chất bốc khô V^k : Nếu than nhập có chỉ tiêu V^k ngoài dải chỉ số quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

c) Cỡ hạt: Nếu than nhập có chỉ tiêu cỡ hạt $> 15\text{mm}$ trên 10% thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

d) Lưu huỳnh ($S^{k_{Ch}}$):

- Nếu than nhập có chỉ tiêu $0,9\% < S^{k_{Ch}} \leq 1,5\%$ thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

- Nếu than nhập có chỉ tiêu $1,5\% < S^{k_{Ch}}$ thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 2% giá trị lô hàng.

6.3. Khi có tranh chấp về các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa thì hai bên sẽ tiến hành lập biên bản và lấy mẫu lưu để thí nghiệm tại bên thứ 3. Kết quả thí nghiệm của bên thứ 3 là kết quả hai bên phải công nhận. Chi phí thí nghiệm tại bên thứ 3 do bên đề nghị thí nghiệm chi trả.

Điều 7. Thanh toán

7.1. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.

7.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (Nếu có).

7.3. Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 60 ngày sau khi hoàn tất các thủ tục nhập kho và hồ sơ thanh toán của bên B theo từng tháng. Hồ sơ, chứng từ thanh toán như sau:

a) Hóa đơn Giá trị gia tăng theo quy định;

b) Phiếu phân tích chất lượng do Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn cấp (01 bản chính);

c) Bảng tính khối lượng vật tư công nghệ trừ ẩm;

d) Biên bản nghiệm thu hàng hoá;

e) Giấy chứng nhận chất lượng của bên thứ 3 (Nếu có);

f) Các chứng từ khác liên quan (Nếu có).

Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

8.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) bằng công nợ từ Hợp đồng 10/BTS-VT ngày 12/01/2023.

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 31/01/2025 hoặc cho đến khi hai Bên thanh lý Hợp đồng (Tùy điều kiện nào đến trước).

8.3. Số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bồi thường cho bên A do lỗi của bên B không hoàn thành các nghĩa vụ qui định trong hợp đồng này.

Điều 9. Xử lý vi phạm hợp đồng và bất khả kháng

9.1. Phạt tiền độ thực hiện hợp đồng: Nếu bên B vi phạm tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận thì bên B phải chịu phạt bằng 0,5 % giá trị lô hàng cho 05 ngày chậm đầu tiên; bằng 1%/ngày giá trị lô hàng từ ngày thứ 06 trở đi nhưng không quá 8% giá trị lô hàng. Nếu thời gian chậm quá 15 ngày, bên A có quyền mua hàng hóa của đơn vị khác để đảm bảo sản xuất.

9.2. Trong trường hợp bên B giao hàng hóa không đúng yêu cầu của Hợp đồng và bên A không chấp nhận nhập hàng thì bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng yêu cầu chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thời gian không quá 07 ngày (kể từ ngày bên A không chấp nhận nhập hàng) và chịu phạt do giao hàng chậm theo khoản 9.1 điều 9 của Hợp đồng này.

9.3. Bồi thường thiệt hại: Nếu một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại.

9.4. Bất khả kháng

a) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng để Hai Bên cùng xem xét;

b) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, Hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác;

c) Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng, nếu Bên B chứng minh được mình đã dùng mọi biện pháp trong khả năng có thể nhưng không thể hạn chế hoặc khắc phục được hậu quả từ sự kiện bất khả kháng dẫn đến Bên B không thể bàn giao hàng hóa đúng tiến độ, Bên A có thể xem xét và không áp dụng điều khoản phạt vi phạm tiến độ theo quy định của Hợp đồng. Các điều khoản phạt vi phạm còn lại không áp dụng cho trường hợp Bất khả kháng.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của các bên và giải quyết tranh chấp

10.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

10.1.1. Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng bên B lấy mẫu kiểm tra sơ bộ trước khi làm các thủ tục nhập hàng; tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp; Phối hợp cùng Bên B giải quyết phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có);

10.1.2. Có quyền từ chối không nhận hàng nếu bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên B trong trường hợp này.

10.1.3. Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do bên B cấp trong trường hợp bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc giao hàng hóa không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của bên A và không đáp ứng với yêu cầu sản xuất.

10.1.4. Thanh toán cho bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

10.1.5. Tạo điều kiện, bố trí mặt bằng và phối hợp cùng bên B tiến hành lập biên bản bàn giao sơ bộ hàng hóa tại kho/cảng Bút Sơn trong trường hợp hàng hóa được xếp dỡ lên mặt bằng kho/cảng.

10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B:

10.2.1. Bên B cam kết chuẩn bị đầy đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng này để cung cấp đáp ứng tiến độ, đúng chủng loại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như quy định của hợp đồng này.

10.2.2. Cử đại diện đến nơi dỡ hàng để làm các thủ tục giao nhận hàng hóa, xác định khối lượng hàng giao, lấy mẫu phân tích. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

10.2.3. Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy quy định của bên A và phải chịu sự điều phối của bên A khi giao nhận hàng. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện của mình trong suốt quá trình triển khai công việc.

10.2.4. Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa cung cấp cho Bên A; Cung cấp các chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý của chất lượng, xuất xứ hàng hóa cung cấp cho bên A (Khi cần). Hồ sơ chứng minh do hai bên thống nhất với nhau.

10.2.5. Phương tiện vận chuyển hàng hóa của Bên B phải che kín để đảm bảo vệ sinh môi trường và đủ điều kiện kỹ thuật an toàn, chấp hành các quy định của Pháp luật và quy định của Bên A về giao nhận hàng hóa, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

10.2.6. Phối hợp cùng bên A tiến hành lập biên bản bàn giao sơ bộ hàng hóa tại kho, bãi (cảng) trong trường hợp hàng hóa được tạm gửi kho của Bên A.

10.2.7. Bên B có trách nhiệm trả phí qua Cảng Bút Sơn theo quy định của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn (Nếu có).

10.3. Giải quyết tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

11.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

11.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;

b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;

c) Bên A, Bên B bị phá sản;

d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng.

11.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 11.2 điều này, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

11.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm c khoản 11.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

11.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Điều 12. Điều khoản thi hành

12.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

12.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

12.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

12.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa Hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

12.5. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Mạnh

Đỗ Tiến Trình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG

V/v: Cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất

Căn cứ:

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

Biên bản ngày / /2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất” giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Vicem thạch cao xi măng;

Quyết định số /BTS-VT ngày / /2024 của Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp của gói mua sắm “Cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất”.

Khả năng và nhu cầu của Các Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Mã số thuế : 0700117613
Địa chỉ trụ sở : Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
Điện thoại : 0226.3851.323; Fax: 0226.3851.320
Đại diện : Ông **Đỗ Tiến Trình** Chức vụ: Tổng Giám đốc
Tài khoản : Số 482.10.000000.906 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam

*(Sau đây gọi tắt là “**Bên Mua**” hoặc “**Bên A**”)*

BÊN BÁN: CÔNG TY CP VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

Mã số thuế : 3300101300
Địa chỉ trụ sở : Số 24 đường Hà Nội, phường Phú Nhuận, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Điện thoại : 0234.3822328 Fax: 0234.3825422
Đại diện : Ông **Trương Phú Cường** Chức vụ: Giám đốc
Tài khoản : Số 111000020540 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế

*(Sau đây gọi tắt là “**Bên Bán**” hoặc “**Bên B**”)*

Sau khi trao đổi, Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán thạch cao Oman với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

- 1.1. **“Hợp đồng”** là Hợp đồng mua bán hàng hóa này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;
- 1.2. **“Phụ lục Hợp đồng”** là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;
- 1.3. **“Hai Bên”** hoặc **“Các Bên”** là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;
- 1.4. **“Đơn giá”** là giá giao hàng tại kho của Bên A, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác theo quy định hiện hành và các chi phí liên quan để thực hiện Hợp đồng, chưa bao gồm thuế GTGT;
- 1.5. **“Lô hàng”** bao gồm hàng hóa được mô tả tại Điều 3 của Hợp đồng này, được xác định là lượng hàng hóa chứa trên trên 01 phương tiện vận chuyển (tàu/xà lan);
- 1.6. **“Sự kiện bất khả kháng”** là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;
- 1.7. **“Ngày”** bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;
- 1.8. **“Pháp luật”** là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 2: HỒ SƠ HỢP ĐỒNG

- Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về Pháp lý như sau:
- 2.1. Văn bản Hợp đồng này;
- 2.2. Tất cả các Phụ lục của Hợp đồng này (Nếu có);
- 2.3. Biên bản ngày / /2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất” giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Vicem thạch cao xi măng;
- 2.4. Quyết định số /BTS-VT ngày / /2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm “Cung cấp thạch cao Oman phục vụ sản xuất”.

ĐIỀU 3: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

3.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán thạch cao Oman (sau đây gọi là hàng hóa) phục vụ cho sản xuất xi măng của Bên A với số lượng, đơn giá và giá trị như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thạch cao Oman	Tấn	10.000	809.000	8.090.000.000
Cộng					8.090.000.000
Thuế GTGT 10%					809.000.000
Tổng cộng					8.899.000.000

3.2. Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT là: 8.899.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, tám trăm chín mươi chín triệu đồng); Thuế GTGT được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và không phải ký Phụ lục hợp đồng khi có thay đổi.

3.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Đơn giá thực hiện hợp đồng:

a) Đơn giá tại khoản 3.1 điều này là đơn giá ứng với các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại điều 4 của hợp đồng này.

b) Đối với hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật khác với điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của Bên A thì sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo điều 6 của hợp đồng này.

c) Đơn giá sẽ được điều chỉnh bằng Phụ lục hợp đồng cho phù hợp với thực tế khi Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, xăng dầu, tiền lương... và các chi phí hợp lý khác làm đơn giá thay đổi từ $\pm 10\%$ trở lên hoặc kết cấu giá (thuế, giá nhập khẩu, xăng dầu...) thay đổi thì hai bên sẽ tiến hành đàm phán điều chỉnh giá.

d) Phương thức điều chỉnh giá được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 \pm A$$

Trong đó:

P_1 : Đơn giá mới

P_0 : Đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá của lần điều chỉnh trước đó

A: Giá điều chỉnh (Tăng/Giảm).

ĐIỀU 4: YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ XUẤT XỨ CỦA HÀNG HÓA

4.1. Quy cách chất lượng của hàng hóa:

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị yêu cầu
1	Hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ nhỏ nhất	%	89
2	Hàm lượng SO_3 , nhỏ nhất	%	41
3	Hàm lượng các ô xít có hại (MgO , P_2O_5 , Fe_2O_3 , K_2O), lớn nhất	%	1,5 (*)
4	Cặn không tan (CKT), lớn nhất	%	3
5	Độ ẩm nhập (W_{TT}), lớn nhất	%	5
6	Độ ẩm tính hàng	%	3
7	Kích thước hạt, lớn nhất	mm	150

Ghi chú: (*): Kiểm tra khi cần.

Thạch cao không lẫn tạp chất có hại cho xi măng và các vật liệu như sắt, thép, gạch ngói, gỗ,....

4.2. Xuất xứ của hàng hóa: Thạch cao có nguồn gốc từ Oman.

ĐIỀU 5: GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

5.1. Mẫu thạch cao sẽ được lấy và kiểm tra theo quy trình của Bên A. Việc lấy mẫu có sự chứng kiến của đại diện Bên B. Thạch cao sẽ được kiểm tra chất lượng sơ bộ trên phương tiện hoặc bãi chứa của Bên B trước khi nhập hàng. Mẫu chính thức đại diện lô hàng được lấy trên phương tiện vận chuyển vào kho bãi của Bên A hoặc ở kho bãi của Bên A (Khi cần).

5.2. Mẫu hàng hóa sẽ được chia làm 3 phần, được niêm phong và có chữ ký xác nhận của đại diện Bên A và Bên B để chuyển các bên kiểm tra và lưu giữ. Cụ thể như sau:

- Phần 1: Giám định tại Phòng Thí nghiệm của Bên A.
- Phần 2: Bên B lưu giữ.
- Phần 3: Giữ tại phòng Thí nghiệm của Bên A. Trong trường hợp có khiếu nại liên quan đến chất lượng hàng hóa thì mẫu này sẽ được gửi đến Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Khu vực 1 để giám định lại. Kết quả giám định do đơn vị này cấp sẽ là cuối cùng và là cơ sở để giải quyết khiếu nại (nếu có) và thanh toán tiền hàng. Chi phí giám định lại này sẽ do bên đề nghị giám định chi trả.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU VÀ KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN

6.1. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A, nếu hàng hóa đạt tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán theo đơn giá được quy định tại khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng này.

6.2. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A, nếu hàng hóa có một hoặc nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán như sau:

6.2.1. Trường hợp độ ẩm $\leq 3\%$ thì khối lượng thanh toán được tính trên khối lượng thực tế qua cân nhập.

6.2.2. Trường hợp độ ẩm $> 3\%$ (Nhưng không được $> 5\%$) mà Bên A đồng ý nhận hàng thì khối lượng thanh toán được tính trên khối lượng giao hàng như sau:

$$G_q = G_{TT} \times \frac{100 - W_{TT}}{100 - 3}$$

Trong đó:

- + G_q : Khối lượng thạch cao thanh toán tương ứng độ ẩm 3%;
- + G_{TT} : Khối lượng thạch cao thực tế giao nhận;
- + W_{TT} : Độ ẩm thực tế giám định.

6.2.3. Trường hợp hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ thấp hơn 89% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 5.000 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ thấp hơn mức 89%. Tuy nhiên, hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ không được thấp hơn 86%.

6.2.4. Trường hợp thạch cao có hàm lượng cặn không tan > 3% (Nhưng không được lớn hơn 5%) mà Bên A đồng ý nhận hàng thì khối lượng bị trừ được tính như sau:

$$G_q = G_{TT} \times \frac{CKT_{TT} - 3}{100}$$

Trong đó:

- + G_q : Khối lượng thạch cao bị trừ;
- + G_{TT} : Khối lượng thạch cao thực tế giao nhận;
- + CKT_{TT} : Cặn không tan thực tế giám định.

6.2.5. Trường hợp hàm lượng SO_3 thấp hơn 41% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 5.000 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng SO_3 thấp hơn mức 41%. Tuy nhiên, hàm lượng SO_3 không được thấp hơn 38%.

6.2.6. Chỉ tiêu kích thước hạt: Nếu lô hàng có kích thước hạt > 150 mm thì Bên B có trách nhiệm gia công kích thước hạt đảm bảo theo quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này.

6.2.7. Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Độ ẩm > 5%;
- b) Hàm lượng $CaSO_4.2H_2O$ < 86%;
- c) Cặn không tan (CKT) > 5%;
- d) Hàm lượng SO_3 < 38%;
- e) Kích thước hạt > 150 mm;

f) Trong các trường hợp trên, Bên A chấp thuận nhận hàng thì khối lượng và đơn giá thanh toán được tính theo mục 6.2.2, mục 6.2.3, mục 6.2.4, mục 6.2.5 khoản 6.2 điều 6 của hợp đồng này và Bên B bị giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng cho mỗi chỉ tiêu đó.

ĐIỀU 7: GIAO NHẬN HÀNG HÓA

7.1. Thời gian giao hàng: Giao hàng làm nhiều đợt, khối lượng và thời gian giao hàng cụ thể của mỗi đợt theo thông báo của Bên A gửi cho Bên B.

7.2. Địa điểm giao hàng: Tại kho, bãi hoặc máng tiếp nhận của Bên A (xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

7.3. Phương thức giao nhận:

a) Khối lượng hàng hóa giao nhận sẽ được hai bên xác định theo khối lượng hàng trên phương tiện Bên B qua cân của Bên A.

b) Hàng hóa của Bên B vận chuyển đến kho của Bên A phải bằng phương tiện đủ điều kiện kỹ thuật an toàn, thuận tiện cho việc giao nhận hàng, chấp hành nội quy của Bên A.

c) Khi giao nhận hàng hóa, mỗi bên đều có trách nhiệm ghi chép số lượng, chất lượng, xác định thời gian dỡ hàng và các số liệu liên quan khác vào sổ theo dõi của nhau để làm cơ sở lập biên bản giao nhận tổng hợp đối chiếu.

d) Sau khi kết thúc việc giao hàng, Bên A sẽ gửi cho Bên B 01 bản chính biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của Bên A và Bên B.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

8.1. Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị bằng 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng).

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc bằng công nợ từ Hợp đồng số 94/BTS-VT ngày 28/3/2023.

8.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày 31/01/2025 hoặc cho đến khi hai bên thanh lý Hợp đồng (Tùy điều kiện nào đến trước).

8.4. Số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bồi thường cho Bên A do lỗi của Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này.

ĐIỀU 9: THANH TOÁN

9.1. Phương thức thanh toán:

a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị lô hàng trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên A nhận được các chứng từ sau:

- Tờ khai thạch cao nhập khẩu đối với thạch cao Oman hoặc Chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với thạch cao Oman (01 bản sao) hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa là hàng nhập khẩu có xuất xứ từ Oman.

- Hóa đơn Giá trị gia tăng theo quy định.

- Phiếu phân tích chất lượng do Bên A cấp (01 bản chính).

- Biên bản giao nhận khối lượng hàng hóa thực nhận có chữ ký của Bên A và của bên B (01 bản chính).

- Biên bản thanh lý hợp đồng (Nếu có).

b) 10% giá trị còn lại của lô hàng được thanh toán cùng 90% giá trị lô hàng tiếp theo; 10% giá trị lô hàng cuối cùng được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ các chứng từ trên hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

9.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (Nếu có).

9.3. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.

ĐIỀU 10: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

10.1. Phạt tiền độ thực hiện hợp đồng: Nếu Bên B vi phạm tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận thì Bên B phải chịu phạt bằng 0,5% giá trị lô hàng giao chậm cho 05 ngày chậm đầu tiên; bằng 1%/ngày giá trị lô hàng giao chậm từ ngày thứ 06 trở đi nhưng không quá 8% giá trị lô hàng giao chậm. Nếu thời gian chậm quá 15 ngày, Bên A có quyền mua hàng hóa của đơn vị khác để đảm bảo sản xuất.

10.2. Trong trường hợp Bên B giao hàng hóa không đúng yêu cầu của hợp đồng và Bên A không chấp nhận nhập hàng thì Bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thời gian không quá 07 ngày (kể từ ngày Bên A không chấp nhận nhập hàng) và chịu phạt do giao hàng chậm theo khoản 10.1 Điều 10 của Hợp đồng này.

10.3. Bồi thường thiệt hại: Nếu một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại. Trường hợp hàng hóa do Bên B cung cấp có chứa chất thải nguy hại, chất gây cháy nổ, bê tông, sắt thép.... gây hư hỏng thiết bị, làm ảnh hưởng đến sản xuất, môi trường của bên A thì bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

ĐIỀU 11: BẤT KHẢ KHÁNG

11.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...

11.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện để hai bên cùng xem xét.

11.3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác.

11.4. Nếu một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 12: TRÁCH NHIỆM QUYỀN HẠN CÁC BÊN

12.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng Bên B lấy mẫu kiểm tra sơ bộ trước khi làm các thủ tục nhập hàng; Tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp.

b) Có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của Bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B trong trường hợp này.

c) Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do Bên B cấp trong trường hợp Bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc giao hàng hóa không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của Bên A và không phù hợp với yêu cầu sản xuất.

d) Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Phối hợp cùng Bên B giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

12.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

a) Chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng và giao hàng cho Bên A theo đúng số lượng, tiến độ và thời gian mà hai bên đã thỏa thuận.

b) Thông báo cho Bên A về thời gian nhập hàng và cử người kết hợp cùng Bên A lấy mẫu sơ bộ để kiểm tra trước khi làm các thủ tục nhập hàng.

c) Cử đại diện đến nơi dỡ hàng để làm các thủ tục giao nhận hàng hóa, xác định khối lượng hàng giao, lấy mẫu phân tích. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về nguồn gốc của hàng hóa cung cấp cho Bên A; Cung cấp các chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý của hàng hóa cung cấp cho Bên A (Khi cần). Hồ sơ chứng minh do hai bên thống nhất với nhau.

e) Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy định về giao nhận hàng hóa, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của Bên A và phải chịu sự điều phối của Bên A khi giao nhận hàng. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện, thiết bị của mình trong suốt quá trình triển khai công việc.

f) Có trách nhiệm phải trả tiền phí qua cảng Bút Sơn theo quy định của Bên A (nếu có).

g) Cùng Bên A giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 13: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

ĐIỀU 14: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

14.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

14.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;

b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;

c) Bên A, Bên B bị phá sản;

d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng;

14.3. Trong trường hợp Bên B chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 14.2 điều này, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

14.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt Hợp đồng theo điểm c khoản 14.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

14.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

15.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

15.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

15.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

15.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

15.5. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trương Phú Cường

Đỗ Tiến Trình